TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 11 - 2019
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang

Ông Dương Xuân Thìn

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXX - ST ngày 11 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ***Trần Thị T***, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn CD, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

*2. Bị đơn***:** Anh ***Nguyễn Đức L***, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trần Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn năm 2009; trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BH ngày 01/4/2009. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội cùng bố mẹ anh L.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hiểu nhau. Ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, càng ngày mâu thuẫn càng lớn hơn. Từ sau khi sinh cháu Q mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, thậm chí đánh nhau. Gần như năm nào anh L cũng đánh chị. Chị đã 03 lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, lần đầu tiên năm 2010, lần thứ hai năm 2016 và năm 2017. Sau đó anh L lên nhà xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị lại tha thứ để vợ chồng về chung sống.

Lần cuối cùng là ngày 01/5/2019, chị cho các con xuống nhà ngoại chơi, anh L đi chơi về không thấy mẹ con chị đâu thì gọi điện cho tôi chửi bới và bắt chị về. Khi chị và các con vừa về đến nhà thì anh L xông ra ra đánh chị, đuổi chị, bảo chị gọi bố chị lên đón chị về. Chị gọi mẹ chồng về nhưng mẹ chồng chị không can ngăn. Chị đã gọi bố mẹ chị lên để nói chuyện với mẹ chồng và anh L để đón chị về. Sau khi bố chị nói chuyện với mẹ chồng và anh L thì chị cùng bố chị về. Từ đó đến nay anh chị ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh L vẫn ở TH, BH. Chưa khi nào anh L lên nhà xin lỗi bố mẹ chị hay lên đón chị về.

Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn anh L.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức Minh Q, sinh 02/01/2010 và L1, sinh 04/01/2012. Hiện nay L1 đang ở với chị, cháu Q đang ở với anh L, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Nếu chỉ được nuôi 01 con thì chị xin nuôi L1, để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện chị làm công nhân công ty Hoya, khu công nghiệp Bắc Thăng Long, thu nhập 9.500.000 đồng/tháng. Chị không đồng ý với việc anh L yêu cầu được nuôi cả 02 con. Nếu anh L được nuôi 02 con thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm.

***Quan điểm của bị đơn – anh Nguyễn Đức L*:**

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh nhất trí như lời khai của chị T về thời gian, thủ tục kết hôn cũng như quá trình vợ chồng chung sống.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên những chuyện hết sức nhỏ nhặt cũng dẫn đến bất đồng. Vợ chồng cũng hay xảy ra cãi vã, khi cãi nhau chị T hay chửi và nguyền rủa anh, có khi xúc phạm bố mẹ chồng, xưng tôi – ông với bố chồng. Anh thừa nhận khi cãi nhau nóng nảy có tát chị T, anh không nhớ chính xác là đánh vợ bao nhiêu lần. Đúng là chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ 03 lần như chị T khai, nhưng lúc đó chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, sau đó chị T lại tự về.

Ngày 01/5/2019, chị T tự ý đưa các con lên nhà ngoại chơi, không bảo gì anh. Khi anh đi ăn sáng về không thấy vợ và các con đâu nên anh đã gọi điện

chửi và bắt chị T đưa con về. Khi chị T đưa con về anh đã xông ra tát chị T. Chị T cầm điện thoại bảo "Tôi gọi bố mẹ tôi lên" nên anh có nói lại là gọi bố mẹ cô lên để đưa cô về. Sau đó bố mẹ chị T lên nói chuyện với mẹ anh và đón chị T về. Từ đó đến nay chị T ở nhà bố mẹ đẻ ở CD. Anh có nhắn cho chị T khuyên chị T về nhưng chị T không về. Có một hôm sau khi ở Tòa án về anh có vào nhà bố mẹ vợ để thăm con và nói chuyện với bố mẹ vợ thì bố vợ bảo "Bọn mày không sống được với nhau thì giải thoát nhau ra".

Anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn không quá lớn, vợ chồng đều có thể khắc phục được. Anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh còn yêu cầu phải chia tài sản chung mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức Minh Q, sinh 02/01/2010 và L1, sinh 04/01/2012. Hiện nay L1 đang ở với mẹ, cháu Q đang ở với anh, các cháu đều sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Lý do anh xin nuôi cả 02 con vì không muốn để các con sống xa nhau. Nếu chỉ được nuôi 01 con thì anh xin nuôi cháu Q. Đặt ra giả thiết chị T được nuôi cả 02 con thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay anh lái xe cho công ty cổ phần Mỹ Phục, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Những lời khai ban đầu và tại biên bản lấy lời khai đối chất, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 16/9/2019, anh L có lời khai nếu chị T cương quyết yêu cầu ly hôn anh yêu cầu phải chia tài sản xong mới đồng ý ly hôn. Anh có lời khai và đơn yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 210.000.000 đồng là tiền anh chị tiết kiệm được, hiện chị T đang quản lý. Anh L nộp đơn chia tài sản chung ngày 25/10/2019. Cùng ngày Tòa án đã giao cho anh Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết thời hạn theo thông báo anh L không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện và không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh L.

Tại phiên tòa: Anh L vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án. Anh xác định không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo thông báo của Tòa án vì vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên họp hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T về việc ly hôn với anh Nguyễn Đức L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Minh Q cho anh L trực tiếp nuôi

dưỡng, giao cháu L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại huyện Đông Anh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, Từ sau khi sinh cháu Q mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, thậm chí đánh nhau. Gần như năm nào anh L cũng đánh chị. Chị đã 03 lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Lần cuối cùng là ngày 01/5/2019, anh đánh chị và bảo chị gọi bố chị lên đón chị về. Anh chị ly thân từ đó đến nay.

Anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh thừa nhận những lần cãi vã có đánh chị T. Đã nhiều lần chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Lần cuối cùng là ngày 01/5/2019, anh chị cãi nhau, anh có đánh đuổi chị. Từ đó đến nay chị T không về chung sống cùng anh nữa.

Đại diện gia đình:

Ông Trần Văn L2 là bố để của chị T xác định anh chị có nhiều mâu thuẫn, nhiều lần anh L đánh chị T, có lần còn đánh đến mức phải nhập viện. Từ ngày 01/5/2019, chị T về ở cùng vợ chồng ông ở thôn CD, xã TD. Ông là bố không muốn các con phải ly hôn, nhưng nếu mâu thuẫn của anh chị đến mức không thể khắc phục được nữa thì giải quyết ly hôn cho anh chị.

Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh L xác định anh chị có mâu thuẫn, có những lần đánh nhau. Đã nhiều lần chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Lần cuối cùng là ngày 01/5/2019, từ đó đến nay chị T không về chung sống với anh L nữa. Gia đình hai bên không gặp gỡ nhau để hòa giải mâu thuẫn của anh chị. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và phải trả các con chung của anh chị cho gia đình bà.

Đại diện chính quyền thôn TH và UBND xã BH xác nhận: Anh chị chung sống tại thôn TH, xã BH nhưng chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của anh chị. Đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được thì giải quyết theo quy định pháp luật.

Như vậy xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nhiều lần anh L đánh chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đã nhiều lần anh chị ly thân, lần cuối cùng từ ngày 01/5/2019 đến nay. Gia đình hai bên đều biết rõ mâu thuẫn của anh chị nhưng không tham gia hòa giải. Anh L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp cụ thể, anh sẽ đồng ý ly hôn khi chị T chia tài sản chung của vợ chồng. Anh L không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, như vậy nguyện vọng đoàn tụ của anh L là không thực tâm. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Đức Minh Q, sinh 02/01/2010 và L1, sinh 04/01/2012. Hiện nay L1 đang ở với mẹ, cháu Q đang ở với anh, các cháu sức khỏe đều tốt, phát triển bình thường. Chị T yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, nếu chỉ được nuôi một con thì yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng L1, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét điều kiện nuôi con của các bên: Chị T hiện làm công nhân công ty Hoya, khu công nghiệp Bắc Thăng Long, thu nhập 9.500.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại thôn CD, xã TD. Thu nhập, chỗ ở của chị T đảm bảo cho việc nuôi con. L1 có nguyện vọng ở với chị T, cháu Q có nguyện vọng ở với anh L. Vì vậy giao L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các con. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh chị đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T về việc ly hôn anh Nguyễn Đức L. Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác định chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức L có 02 con chung là Nguyễn Đức Minh Q, sinh 02/01/2010 và L1, sinh 04/01/2012.

Giao L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị T và anh L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T phải chịu để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008664 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã BH, huyện ĐA.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuyến